

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/3/2023  
V/v tranh chấp: “ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Trung và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quách Thị Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2008 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Chị X không quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình và đã bỏ về nhà mẹ ruột tại Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Anh T và chị X sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mỗi người đều có cuộc sống

riêng. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin được ly hôn với chị X.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2009 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 31/12/2015, hiện cháu H và cháu T do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu T; không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị X vắng mặt; tại bản tự trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/02/2023, chị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X đồng ý ly hôn với anh T vì quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2009 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 31/12/2015, hiện cháu H và cháu T do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị X đồng ý giao cháu H và cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2023: Anh T vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện chị Nguyễn Thị X trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc “Ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/6/2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Anh T và chị X đã không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, anh T xác định không còn tình cảm với chị X, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và anh T kiên quyết ly hôn với chị X. Tại đơn yêu

cầu xin xét xử vắng mặt chị X cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc và đồng ý ly hôn với anh T.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị X là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh T và chị X thống nhất có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2009 và Nguyễn Phước T, sinh ngày 31/12/2015, hiện cháu H và cháu T do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu T, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt chị X thống nhất giao cháu H, cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 10/02/2023 cháu H, cháu T có nguyện vọng xin được ở với cha (Nguyễn Văn T). Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho các cháu, HĐXX chấp nhận giao cháu H, cháu T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/5/2009 và cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 31/12/2015 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Nguyễn Thanh T nộp thay) tại biên lai thu tiền số 0005630 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Diễm Huyền**